

Số: 61 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu
Hoa Lư, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đến năm 2025**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN BẢN

Số: 61/2010/QĐ-TTg

Ngày 13 tháng 01 năm 2010

Kính chuyển:

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đến năm 2025 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tính chất:

- Là khu kinh tế cửa khẩu nhằm phát triển giao lưu kinh tế, văn hoá, quan hệ chính trị, ngoại giao giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia;

- Là trung tâm thương mại, công nghiệp, du lịch, dịch vụ của tỉnh Bình Phước;

- Là đầu mối giao thông đường sắt, đường bộ quan trọng trong vùng;

- Có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh.

2. Phạm vi: bao gồm các xã Lộc Thái, Lộc Tấn, Lộc Hòa, Lộc Thạnh (tách từ xã Lộc Tấn) và thị trấn Lộc Ninh thuộc huyện Lộc Ninh; có tổng diện

tích tự nhiên 28.364 ha và có ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp biên giới Việt Nam - Campuchia;
- Phía Nam giáp các xã Lộc Thành và Lộc Hưng;
- Phía Đông giáp các xã Lộc An, Lộc Thuận, Lộc Điền, Lộc Khánh và Lộc Hiệp;
- Phía Tây giáp biên giới Việt Nam - Campuchia.

3. Quy mô dân số:

Dự báo đến năm 2015 quy mô dân số khoảng 80.000 - 100.000 người. Dân số đô thị khoảng: 40.000 - 60.000 người. Dân số nông thôn khoảng 40.000 người;

Dự báo đến năm 2025 quy mô dân số khoảng 110.000 - 130.000 người. Dân số đô thị khoảng 90.000 - 100.000 người. Dân số nông thôn khoảng 20.000 - 30.000 người.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

- Đất khu quản lý và kiểm soát, thương mại - dịch vụ cửa khẩu khoảng 466 ha;
- Đất khu phi thuế quan khoảng 2.965 ha (trong đó có 1.483 ha đất dự trữ phát triển);
- Đất xây dựng khu đô thị cửa khẩu (khu thuế quan) khoảng 5.666 ha, trong đó bao gồm: đất dân dụng khoảng 799 ha (chỉ tiêu đất dân dụng đạt 157 m²/người); đất không thuộc khu dân dụng khoảng 4.867 ha;
- Đất ở và sản xuất nông nghiệp khoảng 5.411 ha;
- Đất dân cư nông thôn tập trung khoảng 214 ha;
- Đất rừng (phòng hộ và sản xuất) khoảng 12.611 ha;
- Mặt nước (sông, suối, ao, hồ) khoảng 531 ha;
- Giao thông (ngoài đô thị) khoảng 500 ha.

b) Giai đoạn đến năm 2025:

- Đất khu quản lý, thương mại - dịch vụ cửa khẩu khoảng 466 ha;
- Đất khu phi thuế quan khoảng 2.965 ha;

- Đất xây dựng khu đô thị cửa khẩu (khu thuế quan) khoảng 5.666 ha trong đó bao gồm: đất dân dụng khoảng 1.597 ha; đất không thuộc khu dân dụng khoảng 4.069 ha;

- Đất ở và sản xuất nông nghiệp khoảng 4.697 ha;
- Đất dân cư nông thôn tập trung khoảng 428 ha;
- Đất rừng khoảng 12.611 ha;
- Mặt nước (sông, suối, ao, hồ) khoảng 531 ha;
- Giao thông (ngoài đô thị) khoảng 1.000 ha.

5. Định hướng phát triển không gian Khu kinh tế cửa khẩu

a) Cấu trúc phát triển không gian dựa trên các trục giao thông chính gồm trục quốc lộ 13, trục đường sắt Xuyên Á liên kết với các khu chức năng gồm: khu quản lý, thương mại - dịch vụ cửa khẩu; khu phi thuế quan (bao gồm hai khu: khu thương mại dịch vụ phi thuế quan và khu thương mại - công nghiệp phi thuế quan); khu đô thị cửa khẩu Hoa Lư (bao gồm cả thị trấn Lộc Ninh); các điểm dân cư và sản xuất nông nghiệp; các khu rừng sản xuất, rừng phòng hộ.

b) Phân khu chức năng.

- Khu quản lý, thương mại - dịch vụ cửa khẩu có diện tích 466 ha bố trí phía Bắc Khu kinh tế cửa khẩu, sát với khu vực cửa khẩu Hoa Lư gồm các hoạt động xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu hàng hóa của khu phi thuế quan, khu thương mại-dịch vụ, kho ngoại quan và khu chợ biên giới;

- Khu phi thuế quan có diện tích 2.965 ha, bố trí phía Bắc Khu kinh tế cửa khẩu gồm các khu chính: khu phát triển thương mại - công nghiệp có diện tích khoảng 1.805 ha; khu thương mại - dịch vụ phi thuế quan có diện tích khoảng 325 ha; khu dịch vụ du lịch phi thuế quan có diện tích khoảng 218 ha; trung tâm tiếp vận có diện tích khoảng 50 ha; kho tàng bến bãi có diện tích khoảng 50 ha; mặt nước, cây xanh cách ly, cảnh quan có diện tích khoảng 134 ha; giao thông đối ngoại có diện tích khoảng 300 ha;

- Khu đô thị cửa khẩu Hoa Lư có diện tích 5.666 ha, gồm khu vực đô thị mới và thị trấn Lộc Ninh; bố trí phía Nam hồ Lộc Thạnh với chức năng là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ của huyện Lộc Ninh và các khu vực lân cận; trung tâm cấp vùng tỉnh về giáo dục đào tạo, thương mại - dịch vụ, y tế và điều dưỡng;

+ Khu trung tâm hành chính huyện lỵ và trung tâm hành chính, dịch vụ đô thị có diện tích khoảng 100 ha;

+ Các khu dân cư mật độ trung bình và cao có diện tích khoảng 485 ha. Các khu dân cư mật độ thấp có diện tích khoảng 365 ha. Công viên, cây xanh, mặt nước đô thị có diện tích khoảng 447 ha; giao thông đô thị có diện tích 200 ha;

+ Các trung tâm chuyên ngành: giáo dục (gồm các trường trung học phổ thông và trường dạy nghề) có diện tích khoảng 203 ha; y tế - điều dưỡng có diện tích khoảng 149 ha; văn hóa - thể dục thể thao có diện tích khoảng 66 ha; trung tâm thương mại dịch vụ có diện tích khoảng 174 ha; trung tâm du lịch sinh thái hồ Rừng Cẩm có diện tích khoảng 737 ha;

+ Các khu cây xanh công viên, cảnh quan, cách ly mặt nước và không gian mở có diện tích khoảng 2.333 ha;

+ Khu vực ga đường sắt Hoa Lư có diện tích khoảng 191 ha;

+ Khu vực quân sự có diện tích khoảng 24 ha;

+ Khu vực đất dự trữ phát triển đô thị có diện tích khoảng 192 ha.

- Các khu chức năng khác ngoài đô thị có diện tích khoảng 19.267 ha:

+ Đất ở nông thôn và sản xuất nông nghiệp có diện tích khoảng 4.697 ha;

+ Đất dân cư nông thôn tập trung có diện tích khoảng 428 ha bố trí tại các trung tâm xã;

+ Đất rừng (phòng hộ và sản xuất) diện tích khoảng 12.611 ha;

+ Đất giao thông ngoài đô thị diện tích khoảng 1.000 ha;

+ Đất khác (mặt nước sông, suối, ao, hồ) có diện tích khoảng 531 ha.

c) Định hướng phát triển không gian:

- Hệ thống các trung tâm

+ Trung tâm huyện lỵ Lộc Ninh giai đoạn đến năm 2015 bố trí tại thị trấn Lộc Ninh. Trong giai đoạn đến năm 2025 có diện tích khoảng 40 ha bố trí tại khu đô thị mới;

+ Trung tâm đô thị cửa khẩu diện tích khoảng 60 ha đặt tại khu đô thị mới với chức năng chính là trung tâm công cộng, văn hóa và thương mại dịch vụ;

+ Trung tâm thị trấn Lộc Ninh có diện tích khoảng 30 ha là trung tâm hành chính văn hóa, dịch vụ, thương mại của thị trấn Lộc Ninh, được bố trí tại khu vực hiện hữu;

+ Trung tâm các khu ở có diện tích mỗi trung tâm khoảng 4 ha, bán kính phục vụ tối đa là 1km;

+ Trung tâm giáo dục, đào tạo chuyên ngành (gồm các trường trung học phổ thông và trường dạy nghề) tổng diện tích khoảng 203 ha bố trí tại khu trung tâm đô thị mới gắn với trục chính đô thị và trên trục quốc lộ 13 thuộc thị trấn Lộc Ninh hiện hữu;

+ Trung tâm y tế nghỉ dưỡng chuyên ngành có diện tích 149 ha đặt tại phía Nam khu đô thị mới và trên trục quốc lộ 13;

+ Trung tâm thương mại phi thuế quan có diện tích 325 ha nằm trong khu phi thuế quan gồm hệ thống các siêu thị, trung tâm mua sắm với những ưu đãi đặc biệt dành cho khu phi thuế quan;

+ Trung tâm thương mại đô thị cửa khẩu có diện tích khoảng 174 ha, bố trí tại khu đô thị cửa khẩu mới.

- Hệ thống các khu dân cư

+ Tại khu đô thị cửa khẩu mới có 6 khu dân cư, trong đó bố trí 4 khu dân cư phân bố quanh khu trung tâm đô thị và dọc theo các trục chính đô thị; 2 khu dân cư còn lại bố trí tại thị trấn Lộc Ninh. Tổng diện tích các khu dân cư đô thị là 850 ha;

+ Không chế quy mô dân số đô thị không phát triển quá lớn, mật độ ở theo chỉ tiêu đạt mức trung bình 180 - 200 người/ha. Các chỉ tiêu sử dụng đất và mật độ ở trong các khu đô thị sẽ khác nhau tùy theo đặc điểm xây dựng từng khu vực;

- Hệ thống cây xanh, mặt nước và không gian mở

+ Cây xanh tập trung, mặt nước trong đô thị được bố trí liên kết với nhau có tổng diện tích khoảng 447 ha;

+ Hệ thống cây xanh cách ly được phân bố dọc trục đường sắt Xuyên Á, đường cao tốc và khu vực giữa khu thương mại - công nghiệp và các khu đô thị, dân cư... bề rộng của các dải cây xanh cách ly tùy thuộc vào khu vực cần cách ly từ 5 m - 10 m. Tổng diện tích cây xanh cách ly và cảnh quan khoảng 2.333 ha;

- Hệ thống không gian mở của Khu kinh tế gồm: các khu quảng trường, công viên, khu vui chơi giải trí bố trí tại khu quản lý, thương mại - dịch vụ cửa khẩu; các khu quảng trường, công viên, khu vui chơi giải trí... tại khu đô thị mới, thị trấn Lộc Ninh; các không gian mở tại trung tâm du lịch sinh thái cửa khẩu.

- Hệ thống dịch vụ du lịch

+ Trung tâm dịch vụ, giải trí, du lịch phi thuế quan nằm trong khu phi thuế quan có diện tích 218 ha;

+ Trung tâm du lịch sinh thái hồ Rừng Cẩm thuộc khu đô thị cửa khẩu có diện tích 737 ha.

- Khu ở nông thôn và sản xuất nông nghiệp

+ Các khu dân cư nông thôn các xã phân bố tại các điểm dân cư nông thôn và trung tâm các xã, tổng diện tích đất ở nông thôn tập trung là 428 ha;

+ Các khu dân cư nông thôn gắn với sản xuất với tổng diện tích 4.697 ha;

+ Khu phát triển lâm nghiệp và rừng phòng hộ có tổng diện tích 12.611 ha được quy hoạch và khai thác theo quy hoạch rừng.

6. Định hướng kiến trúc cảnh quan:

- Trục không gian chính gồm trục quốc lộ 13 và các đường trục chính trong khu kinh tế, khu phi thuế quan và khu quản lý - thương mại - dịch vụ cửa khẩu;

- Các công trình điểm nhấn: Quốc môn; các công trình tại các điểm giao trục quốc lộ 13 với các trục đường chính của Khu kinh tế tại khu thương mại - dịch vụ, khu thương mại - công nghiệp, khu đô thị và tại thị trấn Lộc Ninh;

- Tại các khu phố cũ: cải tạo nâng cấp bộ mặt kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, tăng tỷ lệ cây xanh, xen cây các khu nhà ở cao tầng tại một số vị trí thích hợp. Từng bước thay thế các khu vực nhà ở, công trình công cộng đã xuống cấp, thấp tầng, mật độ cao bằng các khu nhà ở hiện đại;

- Giữ lại các khu vực làng xóm mang đậm yếu tố cảnh quan, sinh thái, truyền thống, làng nghề hấp dẫn về du lịch, bảo vệ tối đa các giá trị văn hóa - lịch sử... nhằm tạo ra kiến trúc đặc thù của từng khu vực trong đô thị;

- Bảo vệ và phát triển hệ thống cây xanh và mặt nước nhằm tạo ra hành lang xanh thông thoáng;

- Đối với khu vực trung tâm: mật độ xây dựng không quá 35%, tầng cao công trình không quá 10 tầng;

- Khu thấp tầng và nhà vườn: mật độ xây dựng không quá 25%, tầng cao công trình không quá 3 tầng;

- Khu thương mại - công nghiệp: mật độ xây dựng không quá 60%. Không gian kiến trúc cụm công nghiệp được bố trí hiện đại theo các tổ hợp linh hoạt, tạo liên kết bởi dải công viên cây xanh trung tâm và cây xanh cách ly.

7. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại

+ Quốc lộ 13 có hướng tuyến và lộ giới theo Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1327/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2009. Riêng đối với đoạn qua Khu kinh tế từ ngã ba Lộc Thái đến khu vực bệnh viện hiện hữu và từ ngã ba đi cửa khẩu phụ Chiu Riu đến cửa khẩu Hoa Lư, mở rộng mặt cắt với lộ giới 48 m;

+ Tỉnh lộ 748 có quy mô 4 làn xe;

+ Tuyến đường sắt Xuyên Á qua khu vực thị trấn Lộc Ninh và khu vực cửa khẩu nằm ở phía Tây quốc lộ 13 hiện hữu và song hành với quốc lộ 13 tại vị trí cửa khẩu.

Sau năm 2020, theo nhu cầu vận chuyển, nghiên cứu hình thành tuyến đường bộ cao tốc từ Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư đi Chơn Thành.

- Giao thông đối nội

+ Đường chính Khu kinh tế và đường đô thị:

. Đường chính phía Đông Khu kinh tế từ điểm giao cắt với tỉnh lộ 748 đến Khu phi thuế quan có lộ giới 70 m;

. Đường chính từ cửa khẩu phụ Chiu Riu đến điểm giao cắt với quốc lộ 13 có lộ giới 45 m;

. Đường chính đô thị từ khu vực bệnh viện hiện hữu đến ngã ba đi cửa khẩu phụ Chiu Riu có lộ giới 48 m;

. Đường chính đô thị từ điểm giao cắt với đường sắt Xuyên Á đến điểm giao cắt với đường chính phía Đông Khu kinh tế có lộ giới 48 m.

+ Các đường liên khu vực gắn kết các khu chức năng có lộ giới từ 26 m – 31m, bề rộng vỉa hè tối thiểu mỗi bên rộng 8 m;

+ Các đường khu vực có lộ giới từ 21 m - 26,5 m, bề rộng vỉa hè tối thiểu mỗi bên rộng 6 m.

- Bố trí 2 bến xe khách tại khu vực phía Nam thị trấn Lộc Ninh ven quốc lộ 13 và tại khu vực ga đường sắt. Quy mô bến xe rộng khoảng 2 ha.

Tại khu vực cửa khẩu và chợ đường biên bố trí các bãi đậu xe.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Quy hoạch chiều cao

Cao độ nền khu vực đô thị cửa khẩu chủ yếu bám sát cao độ tự nhiên, nhằm giảm khối lượng đào đắp, bảo vệ mặt phủ tự nhiên, tránh xói lở nền đất. Trong quá trình san đắp cần lưu ý việc xây dựng kè, gia cố mái dốc taluy để tránh sạt lở.

- Thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa Khu kinh tế cửa khẩu được xây dựng tách riêng với nước thải sản xuất và sinh hoạt. Các tuyến thoát nước mưa sẽ thiết kế bằng cống hoặc mương hở, bố trí dọc các trục đường, thu nước mưa từ các khu vực xây dựng và xả trực tiếp ra sông, suối gần nhất;

Đối với các dòng suối trong khu vực được cải tạo, nạo vét để tăng khả năng thoát nước kết hợp xây dựng một số đập giữ nước, tạo hồ điều hòa kết hợp với công viên cây xanh, tạo cảnh quan đô thị và cải thiện điều kiện vi khí hậu cho đô thị. Các ao, hồ được cải tạo, nạo vét tạo thành hồ chứa nước cho đô thị.

c) Cấp nước

- Nhu cầu dùng nước: tổng nhu cầu dùng nước: 32.000 m³/ngày cho năm 2015 và 70.000 m³/ngày cho năm 2025;

- Nguồn nước: xây dựng 3 nhà máy nước (NMN): 1 NMN tại xã Lộc Hòa, khai thác nước Hồ Suối Nuy, công suất NMN 15.000 m³/ngày; NMN thứ 2 tại xã Lộc Tấn, khai thác nước Hồ Lộc Thạnh, công suất NMN 15.000 m³/ngày; NMN thứ 3 tại xã Lộc Hiệp, lấy nước Sông Bé, nghiên cứu làm đập ngăn nước hoặc xây dựng hồ chứa nước đủ xây dựng NMN công suất 45.000 m³/ngày;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: bố trí họng lấy nước chữa cháy Ø100 đặt cách nhau 150 m theo hệ thống cấp nước chính của khu vực quy hoạch. Trong đô thị cửa khẩu và khu thương mại công nghiệp bố trí trạm phòng chống chữa cháy riêng.

d) Cấp điện

- Chỉ tiêu cấp điện và phụ tải điện

Nhu cầu điện năm 2015 là 37,5 triệu KWh/năm và năm 2025 là 150,0 triệu KWh/năm.

Tổng phụ tải điện tính toán bao gồm điện sinh hoạt dân dụng, công cộng và dịch vụ, công nghiệp v.v... vào năm 2015 là 355.800 KW, vào năm 2025 là 538.500 KW.

- Nguồn cấp điện

+ Nguồn cấp điện cho khu vực trong giai đoạn đầu là trạm biến thế 110/22 KV Lộc Ninh; trong tương lai sẽ nâng công suất từ 2x25 MVA lên 2x40 MVA;

+ Xây dựng thêm hai trạm 110/22 KV cấp điện cho khu vực. Hai trạm này được đặt cạnh khu thương mại - công nghiệp tập trung ở phía Bắc. Trạm số 1 có dung lượng 4 x 63 MVA, trạm số 2 có dung lượng 4 x 63 MVA, các trạm nhận điện lưới quốc gia qua tuyến 110 KV Lộc Ninh - Thác Mơ.

- Mạng lưới điện

+ Từ các trạm 110 KV hiện hữu và dự kiến, kết nối với các tuyến trung thế 22 KV cấp điện cho khu vực.

+ Một số tuyến chính 22 KV hiện hữu được giữ lại, cải tạo nâng công suất truyền tải và chuyển thành cáp ngầm.

+ Các tuyến 22 KV xây dựng mới đều đi cáp ngầm.

+ Các trạm hạ thế 22/0,4 KV là loại trạm hợp bộ hoặc trạm trong nhà. Hạn chế sử dụng các loại trạm treo hoặc trạm ngoài trời.

đ) Thoát nước bản:

- Hệ thống thoát nước bản

+ Lưu lượng nước thải đô thị năm 2015 là 4.000 m³/ngày; năm 2025 là 10.560 m³/ngày. Lưu lượng nước thải công nghiệp năm 2015 là 18.000 m³/ngày, năm 2025 là 36.000 m³/ngày.

+ Xây dựng 2 hệ thống thoát nước riêng: nước mưa chảy thẳng ra sông và nước thải chảy về khu xử lý, làm sạch trước khi thoát ra sông. Hệ thống thoát nước thải như sau:

+ Đối với khu thương mại - công nghiệp: phải xây dựng trạm xử lý nước thải ngay trong khu thương mại - công nghiệp, làm sạch nước thải đạt tiêu chuẩn TCVN 5945 - 2005. Tổng công suất 36.000 m³/ngày, nước thải sau khi làm sạch đạt tiêu chuẩn thoát ra sông, suối.

+ Đối với nước thải sinh hoạt đô thị:

. Khu vực đô thị mới và cửa khẩu phía Bắc: xây dựng hệ thống cống nước thải có đường kính Ø 300 mm ÷ Ø 600 mm để thu gom nước thải đưa về trạm xử lý số 1, lưu lượng Q = 8.500 m³/ngày, vị trí đặt tại phía Tây khu đô thị;

. Đối với khu đô thị hiện hữu: xây dựng hệ thống cống nước thải có đường kính Ø 300 mm ÷ Ø 600 mm để thu gom nước thải đưa về trạm xử lý số 2, lưu lượng Q = 2.000 m³/ngày, vị trí đặt tại phía Nam khu đô thị; độ sâu chôn cống tối thiểu (tính từ mặt đất đến đáy cống) là 1,2 m. Sử dụng cống bê tông cốt thép;

. Nước thải sinh hoạt từ các công trình nhà ở và công trình công cộng trong đô thị được làm lắng sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thoát vào cống thoát nước thải để làm sạch hoàn toàn tại trạm xử lý.

- Tất cả các công trình nhà ở và công trình công cộng đều phải có bể tự hoại xây dựng theo đúng tiêu chuẩn, để lắng sơ bộ nước thải trước khi thoát vào cống chung. Nước thải sinh hoạt và công nghiệp sau khi được xử lý tại trạm xử lý phải đạt các tiêu chuẩn cho phép theo quy định.

e) Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Thu gom và xử lý chất thải rắn:

+ Xây dựng khu chôn rác và xử lý rác quy mô 50 ha cho khu đô thị cửa khẩu.

+ Dự báo khối lượng rác: rác sinh hoạt trung bình 1 kg/người/ngày, dự kiến đến năm 2015 khoảng 50 tấn /ngày và năm 2025 khoảng 100 tấn /ngày.

- Nghĩa trang: xây dựng 1 công viên nghĩa trang kết hợp hỏa táng và địa táng, quy mô 50 ha, vị trí đặt tại phía Tây khu đô thị cửa khẩu.

8. Giải pháp bảo vệ môi trường:

a) Khai thác sử dụng hợp lý có hiệu quả đất đai và nguồn lực tự nhiên, đúng mục đích, quy mô và tuân thủ chặt chẽ tiêu chí, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã quy định trong các quy hoạch chuyên ngành, phù hợp với quy hoạch tổng thể, kế hoạch sử dụng đất từng giai đoạn trên địa bàn Khu kinh tế cửa khẩu.

b) Bảo vệ hệ sinh thái rừng phòng hộ:

- Khôi phục và bảo vệ hệ sinh thái rừng tự nhiên và thảm xanh hiện hữu tại phía Tây Bắc Khu kinh tế cửa khẩu và đặc biệt khu vực rừng phòng hộ cần được bảo vệ nghiêm ngặt tại các xã Lộc Thạnh, Lộc Tấn. Duy trì và ổn định vùng trồng cây công - nông nghiệp tại các xã Lộc Tấn, Lộc Hòa, Lộc Thái;

- Khoanh vùng đất bảo vệ khu vực dọc sông: phát triển thảm thực vật tại các khu vực dọc theo sông Sài Gòn và các phụ lưu, các hồ thủy lợi (Lộc Thạnh, Hồ Rừng Cẩm, Hồ Suối Nuy)... để phòng hộ và bảo vệ nguồn nước ngọt và nước ngầm. Nghiêm cấm xây dựng các loại hình công nghiệp độc hại như dệt, nhuộm, giấy, thuốc da; công nghiệp nặng như sắt, thép, công nghiệp sản xuất xe gắn máy, xe ô tô,... trong phạm vi lưu vực sông, suối, hồ thủy lợi.

c) Khai thác và sử dụng nguồn nước:

- Sử dụng đúng mục đích nguồn nước mặt các hồ: Lộc Thạnh, Hồ Rừng Cẩm, Suối Nuy, sông Sài Gòn,... tuân thủ đúng theo quy hoạch cân bằng nguồn nước; khai thác đúng quy trình kỹ thuật. Nghiêm cấm xây dựng các nhà máy công nghiệp xả nước thải độc hại trong vùng bảo vệ nguồn nước;

- Đánh giá trữ lượng để quy hoạch khai thác sử dụng hợp lý, đúng quy trình kỹ thuật... phân bổ hợp lý, không khai thác tập trung trên từng khu vực, không khai thác với thời gian liên tục, quá mức, dẫn đến cạn kiệt, hạ thấp mực nước ngầm làm suy giảm trữ lượng và kéo theo các tác động khác làm suy giảm chất lượng môi trường.

d) Kiểm soát hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp:

- Quy hoạch và kiện toàn hệ thống các trung tâm, các trạm bảo vệ thực vật bảo đảm khả năng kiểm soát đầu vào và đầu ra trong hoạt động sử dụng phân bón và các hoá chất bảo vệ thực vật;

- Thành lập hệ thống bảo vệ rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo quy định của ngành lâm nghiệp.

đ) Xây dựng hệ thống quản lý môi trường:

- Xây dựng hệ thống giám sát, phân tích, đánh giá khách quan hiệu quả môi trường;

- Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong công tác quản lý môi trường.

9. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư

a) Các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật:

- Nâng cấp, mở rộng tuyến quốc lộ 13 đoạn đi qua Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư;

- Xây dựng các nhà máy nước; các trạm điện 220, 110 KV và các tuyến dây 220, 110 KV theo tiến độ phát triển các khu chức năng đô thị;

- Các dự án đầu tư xây dựng các khu xử lý nước thải và rác thải;

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu thương mại - công nghiệp.

b) Các dự án đầu tư phát triển khu phi thuế quan và các khu dân cư:

- Các dự án đầu tư xây dựng khu dân cư đô thị và tái định cư;

- Các dự án đầu tư khu quản lý, thương mại dịch vụ cửa khẩu.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước triển khai thực hiện các công việc sau:

1. Ban hành Quy định quản lý theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư được phê duyệt;

2. Công bố công khai đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đến năm 2025;

3. Triển khai lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng của Khu kinh tế, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn để cụ thể hoá đồ án Quy hoạch chung xây dựng, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư xây dựng của Khu kinh tế;

4. Quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng theo phân khu chức năng được quy định trong Quy hoạch chung xây dựng và các hướng dẫn liên quan về xây dựng đô thị;

5. Đối với các khu đô thị mới phải bảo đảm xây dựng đồng bộ hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

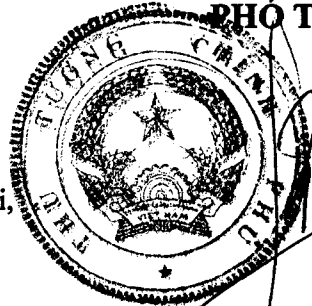
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Ngoại giao, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bình Phước;
- Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, NC, ĐP;
- Lưu: Văn thư, KTN(3b) Nghĩa(40)



Hoàng Trung Hải